

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/ HNGĐ- ST

Ngày 19/4/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Minh Hải

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã H, thành phố C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Đội 1, thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Vũ Trí S, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn P, xã H, thành phố C, tỉnh H.

Chị H, anh S đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị H và anh S kết hôn ngày 12 tháng 12 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã C(nay là thành phố C), tỉnh H. Khi đó, anh S 23 tuổi, chị H 22 tuổi đều làm lao động tự do. Anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đến với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sinh sống tại gia đình nhà S tại xã H, thành phố C, tỉnh H. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H là do lúc này anh S đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng nghiện ma túy đá nên thường xuyên nhắn tin qua điện thoại chửi bới, xúc phạm nghiêm trọng đến chị và gia đình chị. Vì thế, đến năm 2018 khi anh S về nước, chị cũng không đi đón và không về sinh sống cùng anh S nữa. Được một thời gian, gia đình anh S phát hiện anh S tiếp tục sử dụng ma túy đá nên có đưa anh S đi cai nghiện tự nguyện. Từ đó, chị cũng không còn liên lạc hay quan tâm gì anh S. Thời gian gần đây, anh S tiếp tục nhắn tin, chủ yếu để chửi bới, nhục mạ chị. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh S. Theo anh S trình bày: Quá trình vợ chồng sinh sống có đánh cãi chửi nhau và sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân do anh có nghi ngờ chị H không chung thuỷ với anh. Thêm nữa, chị H đưa hai con sống tại nhà ngoại tại B, anh lên gặp cũng không gặp và chặn mọi liên lạc với anh. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị H và mong muốn các con có bố mẹ nên không đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh chị 02 con chung là Vũ Thị Hoàng G, sinh ngày 25/8/2015 và Vũ Hoàng Nhật P, sinh ngày 10/5/2017, hiện đang ở với chị H. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh S có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, giao cháu P cho chị H trực tiếp, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào.

Về tài sản chung, nợ: Chị H và anh S đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Qua xác minh với ông N- trưởng thôn P, ông Đ- bố đẻ anh S, bà N- mẹ đẻ chị H, anh T- anh rể anh S xác nhận: Chị H và anh S kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố C, tỉnh H. Quá trình anh chị sinh sống, năm 2018 anh S nghiện ma túy đá phải đi cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh H ở C. Sau khi cai nghiện xong về sinh sống tại địa phương, anh S vẫn thường xuyên hay bị ngáo đá, vì sợ ảnh hưởng đến tính mạng bản thân và các con nên chị H không thể sinh sống cùng anh S. Nay chị H xin ly hôn anh S, quan điểm của gia đình đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị H, để chị H được ly hôn anh S. Về con chung: Gia đình chị H và gia đình anh S đều đề nghị Toà án giao hai con chung là Vũ Thị Hoàng G, sinh ngày 25/8/2015 và Vũ Hoàng Nhật P, sinh ngày 10/5/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì anh S làm không ổn định, nay đây mai đó, không chí thú làm ăn, không ổn định cuộc sống. Thêm nữa, ông Đ trình bày hiện mẹ đẻ anh S đã mất, ông đã có gia đình mới, con riêng, nhà cửa chật chội, không đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung

hộ anh S. Bà N mẹ đẻ chị H trình bày sẽ tạo mọi điều kiện về nơi ở cho mẹ con chị H, chăm sóc, hỗ trợ chị H trông nom hai cháu những lúc chị H đi làm.

Tại phiên tòa:

Chị H và anh S đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Vũ Trí S. Về con chung: Giao hai con chung là Vũ Thị Hoàng G, sinh ngày 25/8/2015 và Vũ Hoàng Nhật P, sinh ngày 10/5/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 05/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Vũ Trí S có địa chỉ cư trú tại xã H, thành phố C, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H và anh S vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh S.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Vũ Trí S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống có thời gian dài hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S nghiện ma túy đá, phải đi cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh H. Quá trình anh S cai nghiện ma túy, chị H không thăm hỏi, động viên, quan tâm, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Sau khi anh S đi cai nghiện ma túy về, anh chị cũng không sinh sống cùng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà càng trở lên trầm trọng. Anh S có nghi ngờ chị H không chung thủy nên nhiều lần nhấn tin chửi bới, xúc phạm và đe dọa chị H. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã ở vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, ly hôn là một giải pháp tích cực để giải phóng cho hai anh chị cũng như các thành viên khác trong gia đình khỏi cảnh bất bình thường, bảo đảm lợi ích của vợ chồng anh chị, của gia đình và của xã hội. Anh S không đồng ý ly hôn chị H nhưng anh cũng không còn biện pháp nào để níu kéo tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, việc anh S không đồng ý ly hôn chị H vì mong muốn các con có đủ bố mẹ không phải lý do để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Hai con chung của anh chị là Vũ Thị Hoàng G, sinh ngày 25/8/2015 và Vũ Hoàng Nhật P, sinh ngày 10/5/2017 đang sinh sống ổn định cùng chị H và hiện đang theo học ở huyện Y, tỉnh B. Chị H làm nghề mua bán, thu nhập hàng tháng là 5.000.000đồng, thời gian làm việc tự do. Bản thân anh S có việc làm nhưng không có nơi ở ổn định, thường xuyên vắng nhà, không đảm bảo điều kiện ăn ở, học hành cho con chung. Vì vậy, việc giao hai cháu G, P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo sự phát triển mọi mặt của hai cháu, cũng như phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh chị, phù hợp với nguyện vọng của cháu G. Về mức cấp dưỡng, chị H tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung với chị, xét yêu cầu của chị là tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H ly hôn anh Vũ Trí S.

- Về con chung: Giao hai con chung của anh chị là Vũ Thị Hoàng G, sinh ngày 25/8/2015 và Vũ Hoàng Nhật P, sinh ngày 10/5/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh S có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002937 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND xã H, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương